

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIUỘC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HSST  
Ngày: 08-3-2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Ông Võ Trường Tam;
  2. Ông Nguyễn Trần Xuân Thanh.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Hồng Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn H**, sinh năm: 1969, nơi sinh: xã T, huyện C, tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Long H, sinh năm: 1940 và bà Hồ Thị P, sinh năm: 1942; vợ, con: chưa có; tiền sự: không.

Tiền án:

-Ngày 30/6/1987, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xử phạt 42 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Trốn khỏi nơi giam” theo bản án số 17/HSST.

-Ngày 25/11/1995, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh , xử phạt 9 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và “Trốn khỏi nơi giam” theo bản án số 1693/HSST.

-Ngày 09/8/2001, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt của bản án chưa chấp hành là 03 năm 07 tháng 08 ngày tù, kể từ ngày 07/4/2001, theo bản án số 15/HSST.

-Ngày 13/3/2006, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, kể từ ngày 13/7/2005, theo bản án số 04/2006/HSST.

-Ngày 17/11/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xử phạt 05 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, kể từ ngày 28/6/2009, theo bản án 149/2010/HSPT.

-Ngày 31/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 13/2015/HSST. Đã chấp hành xong ngày 08/6/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Kiều Phú T**, sinh năm: 1989, nơi sinh: xã P, huyện C, tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Văn L, sinh năm: 1967 và bà Hà Thị N, sinh năm: 1965; vợ: Cao Thị Kim Trúc L, sinh năm: 1988 (đã ly hôn); con: 01 người, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân: Ngày 23/01/2017, bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, ra Quyết định số 56 về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn 03 tháng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong ngày 26/4/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**3. Trần Thanh P**, sinh năm: 1979, nơi sinh: xã L, huyện G, tỉnh T Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã L, huyện G, tỉnh T; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm: 1959 và bà Trần Thị C, sinh năm: 1959; vợ: Trần Thị Nguyên L, sinh năm: 1985; con: 02 người, sinh năm 2004 và năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/12/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1965, địa chỉ: xã P, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Chị Đặng Thị Trúc L, sinh năm: 1989, địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm: 1971, địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

*Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn N, sinh năm: 1982,

Địa chỉ: xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: phường T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

2. Anh Trần Minh L, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1979, địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Anh Phạm Ngọc Hoài D, sinh năm: 1985, địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

5. Anh Đặng Tuấn C, sinh năm: 1992, địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

6. Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1934, địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

7. Ông Đặng Văn N, sinh năm: 1967, địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1954, địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 08/10/2016, Trần Văn H là người 05 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa xóa án tích đi bộ từ nhà trọ ở xã L, huyện C đến địa bàn xã P huyện C, phát hiện nhà ông Huỳnh Văn T nên H đột nhập vào nhà lấy trộm 01 xe mô tô Future, màu nâu, biển số 62M1-085.45; 01 xe mô tô Wave RS màu đỏ - đen, biển số 62X1-3032. Sau đó, Trần Văn H điện thoại nhờ Kiều Phú T tìm chỗ bán xe. T dùng điện thoại liên lạc với Trần Thanh P ở huyện G, Tiền Giang để bán xe thì P đồng ý mua. Khi nhờ bán xe, H nói xe Future đời mới và xe Wave RS, không có giấy tờ, T biết được xe trên do H trộm cắp mà có. Sau đó, T giao dịch bán xe trên cho P thì P biết được xe do trộm cắp mà có nhưng P vẫn đồng ý mua hai xe trên với giá 11.500.000 đồng và đưa tiền cho T 10.000.000 đồng, T đưa cho H. H đi về trước kêu T ở lại lấy 1.500.000 đồng và hứa cho T 1.000.000 đồng.

Ngoài ra vào khoảng 00 giờ 05 phút ngày 12/10/2016, Trần Văn H còn có hành vi đột nhập vào nhà của ông Nguyễn Văn N thuộc, xã L, huyện C1, lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hagate, biển số 62L1-106.71 thuộc sở hữu của chị Đặng Thị Trúc L (con gái ông N). Trên đường tẩu thoát H điều khiển xe do bị đứt đèn phía trước nên xe va chạm vào trụ điện bên trái đường thuộc xã L, huyện C, H bị thương ở tay và chân trái, xe bị hư hỏng nên H bỏ xe lại, tẩu thoát. H để lại vết máu tại hiện trường, trên mặt bàn đá phía trước nhà bà Phạm Thị H và để lại vết máu trên quần áo, yên xe đạp trước nhà anh Nguyễn Thanh S.

Trong quá trình điều tra, xác định chiếc xe đạp Martin của Nguyễn Thanh S bị xô dịch khỏi vị trí ban đầu và chị Đặng Thị Trúc L khai nhận còn bị mất 02 điện thoại di động (không xác định rõ nhãn hiệu) nhưng không có cơ sở xác định do Trần Văn H lấy cắp.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn H, Kiều Phú T và Trần Thanh P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 01 ngày 04/11/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại xe Future, màu nâu, biển số 62M1-085.45 trị giá 18.600.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RS màu đỏ - đen, biển số 62X1-3032 trị giá 3.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng chẵn).

Tại kết luận định giá tài sản số 70 ngày 05/11/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C1, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hagate, biển số 62L1-106.71 trị giá 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng chẵn).

Các bị cáo Trần Văn H, Kiều Phú T và Trần Thanh P, người bị hại là ông Huỳnh Văn T và chị Đặng Thị Trúc L không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận định giá tài sản này.

Tại kết luận giám định số 3438/C54B ngày 29/12/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Tổng cục cảnh sát, kết luận: Ba mẫu vật được dán kính, có đóng dấu niêm phong của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C là ba mẫu nghi là máu thu giữ (ở nơi xe mô tô ngã, ở nhà bà H và anh S) lần lượt được ký hiệu số 01, số 02 và số 04 là máu người. Phân tích gen (ADN) từ ba mẫu máu này do cùng một kiểu gen của nam giới hoàn chỉnh.

Tại kết luận giám định số 2354/C54B ngày 07/7/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Một gói mẫu vật được dán kính, có đóng dấu niêm phong của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, bên ngoài có ghi mẫu tóc đối tượng Trần Văn H, sinh năm 1969 có kiểu gen trùng với kiểu gen của nam giới có trong kết luận giám định số 3438/C54B ngày 29/12/2016 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Trần Văn H, không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận giám định này.

Qua điều tra, cơ quan Công an đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Future, màu nâu, không biển số; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RS màu đỏ - đen, không biển số.

01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki Hagate, biển số 62L1-106.71; 01 (một) xe đạp loại Martin; 01 (một) cái quần tây màu đen, bên trong có 96.000 đồng; 01 (một) quần tây màu đen loại sọc; 01 (một) áo sơ mi trắng dài tay; 01 đôi dép nhựa màu đen; thu giữ của Trần Thị Tuyết M số tiền 1.900.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo H.

Đối với biển số 62M1-085.45 và biển số 62X1-3032 sau khi mua Trần Thanh P tháo gỡ, ném bỏ trên đường, không xác định địa điểm nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được; Đối với 01 (một) điện thoại di động Oppo, màu trắng bạc, số sim 0907.579.855 của Trần Thanh P; 01 (một) điện thoại di động Nokia 1280 màu tím - đen, số sim 0933.794.038 và 01 (một) điện thoại di động Iphone 4, màu đen, số sim 0989.915.141 của Kiều phú T; 01 điện thoại, số sim 0937.587.425 của Trần Văn H, trong quá trình sử dụng các bị cáo làm thất lạc nên không thu hồi được.

Ngoài ra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C1 còn thu giữ tại phòng trọ của Trần Văn H tại huyện C tỉnh T Giang, gồm đồ vật, tài sản của Trần Văn H; Võ Văn T, Đoàn Thị Ngọc O, Nguyễn Thị Mộng T. Qua đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C1 đã chuyển 02 biển số xe mô tô 62N1-389.67 và 62F1-098.84 cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Long An; chuyển 01 (một) xe mô tô Exciter gắn biển số 59Y1-602.79, giấy chứng minh nhân dân số 310799028 mang tên Lê Văn C, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59Y1-602.79 mang tên Nguyễn Phước T, các đoàn và khóa kim loại hình chữ L cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang xử lý theo thẩm quyền; còn tất cả những đồ vật, tài sản khác trả lại cho Trần Văn H do em ruột là Trần Thị Tuyết M nhận thay và trả lại cho Võ Văn T, Đoàn Thị Ngọc O và Nguyễn Thị Mộng T.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị Trần Thị Tuyết M (em ruột H) đã nộp thay cho bị cáo H số tiền 10.000.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước đối với khoản thu lợi bất chính mà bị cáo H bán xe trộm được mà có.

Về dân sự: Ông Huỳnh Văn T đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi T gì thêm. Chị Đặng Thị Trúc L đã nhận lại xe mô tô bị mất và số tiền 4.000.000 đồng bồi thường chi phí sửa xe. Ngoài ra, chị L yêu cầu bị cáo H bồi thường giá trị 02 chiếc điện thoại (không xác định rõ nhãn hiệu) bị mất với số tiền là 2.000.000 đồng, bị cáo H không đồng ý bồi thường.

Bản Cáo trạng số 04/QĐ-KSĐT, ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Trần Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, truy tố bị cáo Kiều Phú T và Trần Thanh P về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Kiều Phú T và Trần Thanh P đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Kiều Phú T từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47; các Điều 33 và Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị Trần Thanh P từ 03 (ba) tháng tù đến 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về dân sự: Ông Huỳnh Văn T đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Chị Đặng Thị Trúc L đã nhận lại xe mô tô bị mất và số tiền 4.000.000 đồng bồi thường chi phí sửa xe. Đối với yêu cầu bồi thường 02 chiếc điện thoại bị mất, chị L yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, xét thấy không có cơ sở xác định bị cáo H lấy trộm tài sản này cho nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu bồi thường của chị L.

- Về vật chứng:

01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Future, màu nâu, không biển số; 01(một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RS màu đỏ - đen, không biển số là vật chứng vụ án, thuộc sở hữu của Huỳnh Văn T; 01 (một) xe mô tô hiệu Suzuki Hagate, biển số 62L1-106.71 thuộc sở hữu của Đặng Thị Trúc L; 01 (một) xe đạp loại Martin, 01 (một) quần tây loại sọc thuộc sở hữu của Nguyễn Thanh S; 01 (một) áo sơ mi trắng dài tay thuộc sở hữu Nguyễn Minh T; 01 (một) cái quần tây màu đen, bên trong có 96.000 đồng; 01 đôi dép nhựa màu đen thuộc sở hữu bị cáo H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, đã trao trả cho các chủ sở hữu là phù hợp.

Số tiền 4.000.000 đồng là tiền của bị cáo H và của Trần Thị Tuyết M (em ruột H) giao nộp để bồi thường tiền sửa xe cho chị Đặng Thị Trúc L, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C1 đã trao trả cho chị L, là phù hợp.

Chị Trần Thị Tuyết M (em ruột H) đã nộp thay cho bị cáo H số tiền 10.000.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước đối với khoản thu lợi bất chính mà bị cáo H bán xe trộm được mà có, đề nghị sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cần Giuộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn H, Kiều Phú T và Trần Thanh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

[3] Trong khoảng thời gian từ ngày 08/10/2016 đến 12/10/2016, Trần Văn H là người không nghề nghiệp, có 05 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, tái phạm nguy hiểm, chưa xóa án tích đã có hành vi 02 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C và huyện C1, tỉnh Long An, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 38.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào tối ngày 08/10/2016 rạng sáng ngày 09/10/2016 Trần Văn H đến địa bàn xã P, huyện C, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô Future, màu nâu, biển số 62M1-085.45, trị giá 18.600.000 đồng và 01 xe mô tô Wave RS màu đỏ - đen, biển số 62X1-3032, trị giá 3.400.000 đồng của anh Huỳnh Văn T, rồi nhờ Kiều Phú T bán cho Trần Thanh P hai xe mô tô trên với giá 11.500.000 đồng. Khi mua bán, T và P đều biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có.

Lần thứ hai: Khoảng 00 giờ 05 phút, ngày 12/10/2016, H đến địa bàn xã L, huyện C1, lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Suzuki, biển số 62L1-106.71, trị giá 16.000.000 đồng của chị Đặng Thị Trúc L, trong lúc điều khiển xe tẩu thoát đến khu vực xã L, huyện C1, thì bị tai nạn nên H bỏ xe lại ở hiện trường, rồi bỏ trốn. Đến ngày 06/7/2017, bị Công an huyện C1 bắt giữ. Qua điều tra H đã thừa nhận hành vi của mình.

Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo Kiều Phú T và Trần Thanh P đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

[4] Bị cáo H là người chây lười lao động, đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác với mục đích lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, nên xác định hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất chuyên nghiệp là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Cho nên, các lần phạm tội nêu trên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Trong các lần bị cáo H lấy trộm tài sản của ông Huỳnh Văn T và chị Đặng Thị Trúc L thì mỗi lần lấy trộm đều đủ định lượng cấu thành tội phạm, đây là tình tiết phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng

tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Hành vi của các bị cáo Trần Văn H, Kiều Phú T và Trần Thanh P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo H đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và còn gây mất an ninh trật tự ở địa phương, tạo tâm lý hoang mang lo sợ cho mọi người trong việc quản lý tài sản, làm cho mọi người không an tâm lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi, để lại hậu quả xấu cho xã hội. Bị cáo H nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T và P có hành vi tiêu thụ tài sản do bị cáo H trộm được, hành vi này của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng, gây khó khăn trong công tác bảo vệ pháp luật và phòng chống tội phạm của Nhà nước. Do đó, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt thì Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Đối với bị cáo T và P phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Trong quá trình điều tra bị cáo P là người đã tích cực giúp cơ quan điều tra phát hiện, điều tra, không bỏ lọt tội phạm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Đối với bị cáo H đã tích cực tác động gia đình bồi T thiệt hại cho chị Đặng Thị Trúc L, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngoài ra, chị Trần Thị Tuyết M (em ruột H) đã nộp thay cho bị cáo H số tiền 10.000.000 đồng, để sung công quỹ Nhà nước đối với khoản thu lợi bất chính mà bị cáo H bán xe trộm được mà có, bị cáo có bác ruột có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương, đây đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo P có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt truy tố đối với bị cáo.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa những hành vi vi phạm

pháp luật có thể xảy ra trong xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Ngoài ra, chị Đặng Thị Trúc L khai nhận còn bị mất 02 điện thoại di động, chiếc xe đạp Martin của Nguyễn Thanh S bị xê dịch khỏi vị trí ban đầu nhưng không có cơ sở xác định Trần Văn H lấy cắp các tài sản này.

[9] Về dân sự: Bị hại Huỳnh Văn T đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị hại Đặng Thị Trúc L đã nhận lại xe mô tô bị mất và T chi phí sửa xe mô tô bị hư hỏng là 4.000.000 đồng. Ngoài ra, chị L còn yêu cầu bị cáo H bồi T 02 chiếc điện thoại bị mất với số T là 2.000.000 đồng, nhưng không có đủ căn cứ xác định bị cáo H lấy trộm nên yêu cầu này của chị L không được chấp nhận. Chị Trần Thị Tuyết M không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền đã bồi thường và khắc phục hậu quả thay cho bị cáo là tự nguyện và phù hợp pháp luật.

[10] Về vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Future, màu nâu, không biển số; 01(một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RS màu đỏ - đen, không biển số là vật chứng vụ án, thuộc sở hữu của Huỳnh Văn T; 01 (một) xe mô tô hiệu SuZuki Hagate, biển số 62L1-106.71 thuộc sở hữu của Đặng Thị Trúc L; 01 (một) xe đạp loại Martin, 01 (một) quần tây loại sọc thuộc sở hữu của Nguyễn Thanh S; 01 (một) áo sơ mi trắng dài tay thuộc sở hữu Nguyễn Minh T; 01 (một) cái quần tây màu đen, bên trong có 96.000 đồng; 01 đôi dép nhựa màu đen thuộc sở hữu bị cáo H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, đã trao trả cho các chủ sở hữu là phù hợp.

- Số tiền 4.000.000 đồng là tiền của bị cáo H và của chị Trần Thị Tuyết M (em ruột H) giao nộp để bồi thường tiền sửa xe cho chị Đặng Thị Trúc L, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả cho chị L là phù hợp.

- Số tiền 10.000.000 đồng do chị Trần Thị Tuyết M (em ruột H) giao nộp thay bị cáo H đối với số tiền thu lợi trong việc bán xe trộm được, nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Kiều Phú T, Trần Thanh P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; các Điều 33; 45 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 06 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn H 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 33; 45 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Kiều Phú T 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Kiều Phú T 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p, q khoản 1 Điều 46; các Điều 33; 45 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tuyên án. Hết thời hạn tạm giam này, nhà tạm giữ Công an huyện C có trách nhiệm trả tự do ngay cho bị cáo, nếu bị cáo không bị giam, giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 604, 608 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bác yêu cầu của chị Đặng Thị Trúc L đòi bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng. (số tiền này đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu tiền ngày 15/01/2018)

Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- CA huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thanh Lâm**

## **THÔNG TƯ**

**QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HỘ TỊCH VÀ  
NGHỊ ĐỊNH SỐ [123/2015/NĐ-CP](#) NY 15 THÁNG 11 NĂM 2015 CỦA CHÍNH  
PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH  
LUẬT HỘ TỊCH**

### **Điều 21. Cách ghi Giấy khai sinh, Sổ đăng ký khai sinh**

1. Họ, chữ đệm, tên của người được khai sinh phải ghi bằng chữ in hoa, có dấu.

2. Ny, tháng, năm sinh của người được khai sinh là Ny, tháng, năm dương lịch, được ghi bằng số và bằng chữ.

3. Mục “Nơi sinh” được ghi như sau:

a) Trường hợp trẻ em sinh tại bệnh viện, nhà hộ sinh, trạm y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (sau đây gọi chung là cơ sở y tế) thì ghi tên cơ sở y tế đó và tên địa danh hành chính nơi có cơ sở y tế đó.

Ví dụ: - Bệnh viện đa khoa Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Bệnh viện Phụ sản, Hà Nội.

b) Trường hợp trẻ em sinh ngoài cơ sở y tế quy định tại điểm a của khoản này, bao gồm trường hợp sinh tại nhà, sinh trên phương tiện giao thông, trên đường hoặc tại địa điểm khác thì “Nơi sinh” được ghi theo địa danh hành chính thực tế, nơi trẻ em sinh ra (ghi địa danh hành chính đủ 3 cấp).

Ví dụ: - Xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

c) Trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài thì “Nơi sinh” được ghi theo tên thành phố và tên quốc gia, nơi trẻ em được sinh ra; trường hợp trẻ em sinh ra tại quốc gia liên bang thì ghi tên thành phố, tên tiểu bang và tên quốc gia đó.

Ví dụ: - Paris, Cộng hòa Pháp.

- London, Vương quốc Anh.

- Los Angeles, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

4. Mục “Nơi cư trú” được ghi như sau:

a) Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì ghi theo nơi đăng ký T trú; trường hợp không có nơi đăng ký T trú, thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú.

b) Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ T trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

Cách ghi “Nơi cư trú” theo hướng dẫn tại khoản này cũng được áp dụng để ghi mục “Nơi cư trú” trong các loại Sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch khác.

5. Mục “Giấy tờ tùy thân” của người đi đăng ký khai sinh, bao gồm các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, phải ghi rõ: tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, Ny cấp giấy tờ đó.

Ví dụ: - Giấy CMND số 030946299, Công an thành phố Hải Phòng cấp Ny 01/01/2011.

- Hộ chiếu số B234567, Cục QLXNC cấp Ny 14/02/2012.

- Thẻ căn cước công dân số 010116000099, Bộ Công an cấp Ny 01/6/2016.